

Số: 159/BC-TTGDXTN

Tây Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh

2. Địa chỉ và các địa chỉ hoạt động khác của đơn vị

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Hẻm 01 đường Lạc Long Quân, Khu phố 5, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Địa chỉ liên hệ hành chính: Số 07 Hẻm 18 đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 5, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276 3841 305

- Địa chỉ thư điện tử: ttgdtxtinh.tayninh@moet.edu.vn

- Trang thông tin điện tử của đơn vị: <https://ttgdtxtayninh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

- Cơ sở giáo dục công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mệnh:

+ Đào tạo, bồi dưỡng: theo nhu cầu của người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng phù hợp với tình hình mới với mục tiêu “Chia sẻ, hợp tác, phát triển”.

+ Quyết tâm xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, tiên tiến, thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất để học viên được học tập, bồi dưỡng, rèn luyện và phát triển năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác, thích ứng.

- Tầm nhìn:

+ Xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh thành một đơn vị tiên tiến, hiện đại, văn minh.

+ Chương trình đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xây dựng “Xã hội học tập” nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Xây dựng Trung tâm có uy tín về chất lượng GD-ĐT, là mô hình GD-ĐT vừa mang tính đại chúng vừa có tính hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập. Đặc biệt, là nơi đáp ứng nhu cầu học suốt đời của người dân địa phương, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục.

+ Mục tiêu cụ thể:

Đội ngũ viên chức.

Phát triển đội ngũ viên chức theo hướng đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chất lượng cao. Đảm bảo 100% viên chức có trình độ đạt và trên chuẩn, biết ứng dụng CNTT, sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu và công tác.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang dạy theo hướng phát huy năng lực của người học, chú trọng hình thành tính cách, kỹ năng thích ứng ...

Hiểu biết về tình hình phát triển kinh tế xã hội và xu thế phát triển; hệ thống các ngành nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và vận dụng hiệu quả trong công tác tuyển sinh cũng như trong tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo Trung tâm.

Quy mô học viên

TT	Chương trình	Số lượng học viên tuyển mới hàng năm	Số lượng lớp tuyển mới hàng năm	Ghi chú
1	Trung cấp và Cao đẳng	150	3 - 4 lớp	
2	Liên kết đào tạo trình độ đại học	300 - 350	8 – 10 lớp	
3	Bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn	150-200	4-6 lớp	
4	Tiếng Anh Cambridge	600-700	35-40 lớp	
5	Ứng dụng CNTT	150-200	7-10 lớp	
6	Thi chứng chỉ Ngoại ngữ	500-600		
7	Thi chứng chỉ CNTT	250		

Chất lượng giáo dục, đào tạo:

Đào tạo, bồi dưỡng: chú trọng tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng thích ứng cuộc sống, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc ...; tổ chức đào tạo ngoại ngữ, tin học và các khóa nâng cao trình độ theo nhu cầu cần thiết của người đã đi làm. Phối hợp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học có uy tín trong nước đào tạo các lớp văn bằng 1, văn bằng 2, liên thông bằng nhiều hình thức như trực tiếp hay trực tuyến, học trong và ngoài giờ hành chính phù hợp cho mọi đối tượng tham gia học.

Cơ sở vật chất

CSVC được sửa chữa, nâng cấp theo hướng đủ các phòng dạy, học lí thuyết, thực hành, thí nghiệm,... nâng cấp trang thiết bị đồng bộ, hiện đại; xây dựng thêm các

phòng chức năng, thí nghiệm, thực hành, phòng học thông minh trong khuôn viên Trung tâm.

Tiến tới xây dựng Trung tâm đạt chuẩn để thực hiện được đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Xây dựng môi trường sư phạm : Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện - Văn minh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh được thành lập ngày 05 tháng 02 năm 1985 theo Quyết định số 05/QĐ.UB của UBND tỉnh Tây Ninh với tên gọi là Trung tâm Đại học tại chức Tây Ninh, trực thuộc UBND tỉnh. Ngày 17 tháng 5 năm 1990, UBND Tỉnh ra quyết định số 33/QĐ.UB đổi tên Trung tâm Đại học Tại chức thành Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng tại chức, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh; đồng thời giải thể Trường Sư phạm Cấp 3 tại chức, chuyển giao nhiệm vụ của Trường cho Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng tại chức thực hiện. Đến ngày 05 tháng 12 năm 1996, đơn vị được đổi tên chính thức là Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh theo quyết định số 149/QĐ.UB của Chủ tịch UBND Tỉnh.

- Trung tâm là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chủ yếu do ngân sách nhà nước đầu tư.

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường (nhóm 2 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021) theo Quyết định số 4668/QĐ-SGDĐT ngày 30/11/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao tự chủ tài chính cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh,

6. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- Người đại diện pháp luật: Ông Trần Văn Tú

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 02 Hẻm 01 đường Lạc Long Quân, Khu phố 5, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Số điện thoại: 0987 575 232

- Địa chỉ thư điện tử: trantutayninh55@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Cơ cấu tổ chức của đơn vị gồm: giám đốc, các phó giám đốc; các phòng chức năng, phòng chuyên môn nghiệp vụ; lớp học; hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng sáng kiến, các ban chỉ đạo thực hiện các hoạt động phong trào và các hoạt động quản lý hành chính; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn.

- Đội ngũ viên chức, người lao động gồm 14 VCNLĐ, trong đó có Ban Giám đốc (01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc) và 03 phòng trực thuộc: Phòng Quản lý đào tạo (01 Trưởng phòng 03 Nhân viên), Phòng Tổ chức hành chính (01 Trưởng phòng 04 Nhân viên) và Phòng Ngoại ngữ-Tin học (01 Trưởng phòng 02 Nhân viên). Trình độ chuyên môn của đội ngũ VCNLĐ đều đạt chuẩn, trong đó có 03 VC có trình độ thạc sĩ, 10 VC có trình độ Đại học. Ngoài ra, Trung tâm hợp đồng thỉnh giảng thêm với 29 giáo viên trong tỉnh có trình độ chuyên môn đạt chuẩn để giảng dạy các lớp ngoại ngữ, tin học ngắn hạn.

- Các tổ chức Đảng, đoàn thể: Chi bộ Đảng gồm 08 đảng viên / 03 nữ. Công đoàn cơ sở gồm 14 đoàn viên / 06 nữ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh năm học 2024-2025 như sau

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Khác	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	16		3	10			3	
I	Giáo viên. Trong đó số giáo viên dạy môn:								
1	Toán								
2	Lý								
3	Hóa								
4	Tiếng Anh	4			4				Dạy lớp ngắn hạn
5	Tin học	1			1				
II	Cán bộ quản lý								
1	Giám đốc	1			1				
2	Phó giám đốc	1		1					
III	Nhân viên								
1	Nhân viên tổng hợp	1			1				
2	Nhân viên kế toán	2		1	1				
3	Nhân viên y tế								
4	Nhân viên thủ quỹ	1			1				
5	Nhân viên khác	8		1	6			1	
Giáo viên thỉnh giảng các lớp ngoại ngữ, tin học ngắn hạn									
1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	28		1	27				
2	Ứng dụng CNTT	1		1					
	Cộng	29		2	27				

- Số CBQLGV được đánh giá xếp loại: 14/14; trong đó, HTXSNV: 04, Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10

- 100% CBQLGV thuộc diện phải bồi dưỡng hàng năm đều tham gia bồi dưỡng đúng quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trụ sở đơn vị hiện có 16 phòng học thường từ 64 đến 150 chỗ ngồi, 01 Hội trường 300 chỗ ngồi, 12 phòng học 32 chỗ ngồi được trang bị cassette, TV để phục vụ giảng dạy các lớp tiếng Anh chứng chỉ Cambridge; 04 phòng máy vi tính với 128 máy, 10 phòng làm việc; 10 phòng nghỉ dành cho giáo viên đầy đủ tiện nghi như: wifi, ti vi, máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, máy nước nóng, máy giặt ...; 02 đường truyền internet cáp quang, đường truyền mạng nội bộ và website nhằm đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin và công tác tại Trung tâm; 26 máy chiếu đa năng (multimedia projector); 1 máy phát điện và đầy đủ các trang thiết bị văn phòng khác đảm bảo phục vụ hoạt động của đơn vị.

Chi tiết tình hình cơ sở vật chất của Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh năm học 2024-2025 như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m2 / học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	1.24
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	2.63
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	12	1.54
7	Hội trường	1	1.30
8	Bình quân lớp/phòng học	2	
9	Bình quân học sinh/lớp	39.5	
III	Số điểm trường		Số m2/học viên
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	10905	6.9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	2461	1.6
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m2)	3227	2.04
2	Diện tích phòng thí nghiệm (m2)	0	
3	Diện tích thư viện (m2)	50	
4	Diện tích phòng lao động sản xuất (m2)	0	
5	Diện tích phòng thực hành (m2)	0	
6	Diện tích xưởng sản xuất (m2)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	/	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có Theo quy định	/	Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh không thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên các cấp phổ
1.1	Khối lớp...	/	
1.2	Khối lớp...	/	
1.3	Khối lớp...	/	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	<i>thông nên không sử dụng thiết bị dạy học chương trình phổ thông</i>
2.1	Khối lớp...	/	
2.2	Khối lớp...	/	
2.3	Khối lớp...	/	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	/	
4	...	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	128	Số học sinh / bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị / lớp
1	Ti vi	31	
2	Cát xét	33	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead / projector / vật thể	26	
5	Máy phát điện	1	
6	Máy photocopy	1	
7	Máy in	13	
8	Máy tính cho phòng làm việc	15	

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	23
XI	Nhà ăn	45

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/
XIV	Phòng nghỉ cho giảng viên các lớp liên kết đào tạo	10 phòng / 192 m2	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m2/học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	9	0	Tổng 375 m2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của đơn vị thực hiện năm học 2024-2025 như sau:

TIÊU CHUẨN 1: CÔNG TÁC QUẢN LÝ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		5	x	
2	x		6	x	
3	x		7	x	
4	x				
TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC VIÊN					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		4	x	
2		x	5	x	
3	x				
TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		3	x	
2	x		4	x	
TIÊU CHUẨN 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI HOÁ GIÁO DỤC					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1		x	3		x
2	x				
TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		4	x	
2		x	5	x	
3		x			

Tổng số các chỉ số đạt: 66/72, tỷ lệ: 91,67 %

Tổng số các tiêu chí đạt: 19/24, tỷ lệ: 79,17 %

Sau khi tự đánh giá chất lượng giáo dục, đơn vị đã tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài ngay trong thời gian tiếp theo nên không thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Đoàn Đánh giá ngoài do Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh thành lập đã thực hiện đánh giá ngoài đối với đơn vị và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 4996/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2024. Theo đó, đơn vị được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 trong 05 năm kể từ ngày Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký quyết định này.

Nhằm thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục sau khi đã có kết quả kiểm định, đơn vị đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 tại kế hoạch số 287/KH-TTGDXTN ngày 01/11/2024. Kế hoạch này được xây dựng đầy đủ chi tiết từng nội dung cần nâng cao chất lượng, giải pháp, phân công thực hiện cụ thể và thời gian, kinh phí, hỗ trợ khác cần thiết để thực hiện. Công tác này đã được triển khai thực hiện trong đơn vị, và thể hiện qua báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giáo dục của năm học 2024-2025 tại BC số 104/BC-TTGDXTN ngày 09/05/2025 của đơn vị.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Năm học 2024-2025, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đồng thời đạt các kết quả sau:

**** Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đa dạng hóa các hình thức học tập, đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, cụ thể:***

- Thực hiện tốt kế hoạch năm học, duy trì quy mô hoạt động liên kết đào tạo, gắn với các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương và nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh. Tích cực chiêu sinh, khai giảng và duy trì số lượng các lớp tự hạch toán giữ quy mô đào tạo thường xuyên hơn 2.000 học viên, trong đó có 1.500 học viên các lớp liên kết đào tạo đại học, trung cấp và bồi dưỡng chuyên đề, số còn lại là học viên các lớp ngoại ngữ, tin học ngắn hạn.

- Trong năm học 2024-2025, đơn vị đã thực hiện tốt các chỉ đạo của ngành Giáo dục, của cơ quan chức năng trong quản lý về tổ chức và hoạt động, đảm bảo an toàn trường học, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và phục vụ hoạt động giáo dục tại đơn vị. Giáo viên, viên chức, người lao động và người học của đơn vị đều có ý thức cao và tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm

để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Cụ thể, năm học vừa qua thành tích trong mọi hoạt động của đơn vị đều đạt và vượt kế hoạch.

- Trung tâm thường xuyên nghiên cứu mở các lớp mới với nhiều hình thức như liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học; các lớp văn bằng 2, đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến ... với nhiều ngành nghề, lĩnh vực đa dạng.

- Đơn vị là nơi tổ chức giảng dạy tiếng Anh chương trình Cambridge được nhân dân tín nhiệm và ủng hộ. Trong năm học 2024-2025, đơn vị tiếp tục duy trì tổ chức dạy và thi tiếng Anh chương trình Cambridge, tiếng dân tộc Khmer và các lớp ứng dụng CNTT căn bản đáp ứng nhu cầu người học. Đặc biệt, đơn vị đã được Trung tâm Khảo thí Tiếng Anh Cambridge VN120 (trụ sở tại tỉnh Bình Dương) ủy nhiệm chính thức là đơn vị duy nhất trong tỉnh tổ chức thi cấp chứng chỉ tiếng Anh Cambridge, tương đương với hệ thống khung năng lực 6 bậc của Việt Nam.

- Đơn vị đã thực hiện nghiêm túc năng lực nhiệm vụ trong việc quản lý các lớp liên kết đảm bảo người học thực hiện đúng các nội quy học tập, quy chế thi theo hướng dẫn, quy định của trường liên kết (Cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo) và nội quy của Trung tâm. Phối hợp theo hướng dẫn của trường liên kết trong việc theo dõi, kiểm tra thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; quản lý quá trình dạy học đảm bảo chất lượng đào tạo; đảm bảo quyền lợi cho người dạy, người học trong suốt quá trình thực hiện liên kết đào tạo.

- Công tác quản lý đào tạo được thực hiện đảm bảo đúng chất lượng giáo dục, công tác thi đua thực hiện đúng thực chất, không chạy theo hình thức, không phạm phải những hiện tượng tiêu cực trong đào tạo, thi cử, thi đua và báo cáo thành tích. VCNLĐ của đơn vị, nhất là nhân viên quản lý lớp thường xuyên gần gũi người học để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, động viên và tạo điều kiện tốt nhất cho người học vượt qua hoàn cảnh khó khăn; xây dựng tập thể lớp đoàn kết, biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động, học tập, duy trì sĩ số người học.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiệu quả, nâng cao chất lượng trong hoạt động chuyên môn, công tác quản lý tổ chức, hành chính và hoạt động học tập, giảng dạy tại đơn vị.

- Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh trật tự được thực hiện tốt, có kế hoạch phối hợp công tác với công an địa phương; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và thực hiện các công tác đảm bảo an toàn về an ninh trật tự trường học. Đơn vị không có người vi phạm pháp luật và các vi phạm liên quan đến ma túy, tệ nạn xã hội khác.

- Thực hiện tốt các công tác an toàn giao thông trường học, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ ...

***** Công tác liên kết đào tạo:***

- Liên kết mở các lớp đại học, cao đẳng, trung cấp và bồi dưỡng chuyên đề đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đặc biệt, phần lớn các lớp

đều có lịch học ngoài giờ hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng tham gia học tập.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về liên kết đào tạo theo quy định tại các thông tư và nội dung chỉ đạo tại các văn bản của ngành, tỉnh như sau: Thông tư 07/2023/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (thay thế Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên), Thông tư 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/04/2022 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp và Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Công văn của UBND tỉnh Tây Ninh thông báo ý kiến về chủ trương liên kết đào tạo số 4897/TB-VP ngày 10/9/2018 và Công văn số 2292/SGDĐT-GDTCN ngày 02/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện liên kết đào tạo.

- Công tác chuyển đổi số trong dạy học được các cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo thực hiện tốt, thực hiện đầy đủ các nội dung chuyển đổi số trong quản lý giảng dạy, học tập như: tổ chức dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập trực tuyến, quản lý nội dung học tập trực tuyến, học liệu được số hóa; có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến, trên phòng máy tính; triển khai phần mềm quản trị nhà trường; quản lý sinh viên, có dịch vụ tuyển sinh trực tuyến, thu phí không dùng tiền mặt ...

- Tổng số học viên các lớp liên kết đào tạo trong năm học 2024-2025: **1612** học viên / **64** lớp (tăng 20 học viên so với năm học 2023-2024):

+ Đại học hình thức VLVH: **769** học viên / **28** lớp (trong đó liên thông lên đại học: 541 học viên / 19 lớp; văn bằng 2: 87 học viên / 04 lớp)

+ Đại học hình thức ĐTTX: **722** học viên / **18** lớp (trong đó văn bằng 2: 184 học viên / 05 lớp)

+ Cao đẳng: **25** học viên / **01** lớp

+ Bồi dưỡng Chuyên đề: **144** học viên / **20** lớp

Stt	Tên lớp/ngành	Lớp	Học viên	Ngày KG
I. Các lớp liên kết đào tạo dài hạn				
1	Đại học Công nghệ thông tin 2024	1	24	12/10/2024
2	Đại học Kế toán 2020	1	39	05/12/2020
3	Đại học Kế toán 2023	1	30	07/01/2023
4	Đại học Luật HN vb1-K6	1	28	25/03/2021
5	Đại học Luật HN vb1-K7	1	17	13/01/2022
6	Đại học Luật HN vb2-K6	1	20	29/09/2022
7	Đại học Luật 2024-VB1K13 TPHCM	1	27	28/12/2024
8	Đại học Quản trị kinh doanh 2024 VB2	1	19	02/03/2024

9	Đại học Xây dựng dân dụng 2024	1	22	12/10/2024
10	Đại học Xây dựng cầu đường 2024	1	10	12/10/2024
11	Đại học liên thông Công nghệ TT 2023	1	16	28/05/2023
12	Đại học liên thông - VB2 Kế toán 2023	1	22	27/05/2023
13	Đại học liên thông Hệ thống điện 2019	1	59	07/03/2020
14	Đại học liên thông Hệ thống điện 2022	1	53	14/05/2022
15	Đại học liên thông Hệ thống điện 2023	1	34	07/10/2023
16	Đại học liên thông K.thuật Trắc địa-bản đồ 2022	1	30	23/04/2022
17	Đại học liên thông K.thuật Trắc địa-bản đồ 2023	1	30	11/11/2023
18	Đại học liên thông GD Mầm non 2021	1	19	19/03/2022
19	Đại học liên thông GD Mầm non 2023	1	29	27/05/2023
20	Đại học liên thông GD Mầm non 2024A	1	58	25/05/2024
21	Đại học liên thông GD Mầm non 2024B	1	21	11/11/2024
22	Đại học liên thông GD Tiểu học 2021-CĐ	1	30	27/11/2021
23	Đại học liên thông GD Tiểu học 2023	1	18	27/05/2023
24	Đại học liên thông GD Tiểu học 2024	1	13	11/11/2024
25	Đại học liên thông TC Ngân hàng 2022	1	36	14/05/2022
26	Đại học liên thông Kế toán 2024	1	26	30/11/2024
27	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2022	1	29	10/03/2022
28	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2023	1	18	01/03/2023
29	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2024/1	1	55	02/12/2023
30	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2024/2	1	35	04/05/2024
31	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2025/1	1	47	15/03/2025
32	Đại học từ xa - QTKD K2021	1	30	09/01/2021
33	Đại học từ xa - QTKD K2022	1	38	12/03/2022
34	Đại học từ xa - QTKD K2022 K2	1	30	12/11/2022
35	Đại học từ xa - QTKD K2024	1	39	09/11/2024
36	Đại học từ xa - Luật 2021 K12	1	27	05/07/2021
37	Đại học từ xa - Luật 2022 K13	1	27	12/05/2022
38	Đại học từ xa - Luật 2023/1 K14	1	51	25/02/2023
39	Đại học từ xa - Luật 2023/2 K15	1	57	24/06/2023
40	Đại học từ xa - Luật 2024/1 K16	1	55	23/03/2024
41	Đại học từ xa - Luật 2024/2 K17	1	72	21/07/2024
42	Đại học từ xa - Luật 2025/1 K18	1	75	15/03/2025
43	Đại học từ xa - Quản lý đất đai	1	28	03/09/2022
44	Cao đẳng GD Mầm non 2024	1	25	11/11/2024

II. Các lớp bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn		0	0	
1	BD CDNN Giáo viên MN	1	1	31/12/2024
2	BD CDNN Giáo viên MN	1	5	25/03/2025
3	BD CDNN Giáo viên THCS	1	1	28/03/2025
4	BD CDNN Giáo viên THPT	1	4	01/07/2024
5	BD CDNN Giáo viên THPT	1	13	12/12/2024
6	BD CDNN Giáo viên THPT	1	2	24/02/2025
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	1	3	25/02/2025
8	BD Kỹ năng sống	1	13	22/05/2025
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	7	05/11/2024
10	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	1	22/02/2025
11	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	1	15/05/2025
12	BD Kế toán trưởng	1	2	15/06/2024
13	BD Kế toán trưởng	1	5	03/08/2024
14	BD Kế toán trưởng	1	11	05/10/2024
15	BD Kế toán trưởng	1	1	22/02/2025
16	BD Kế toán trưởng	1	8	20/04/2025
17	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	30	19/07/2024
18	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	16	20/09/2024
19	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	15	05/11/2024
20	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	5	12/11/2024
Tổng cộng		64	1612	

- Công tác tuyển sinh mở lớp liên kết đào tạo: đã tuyển được **586** học viên / **33** lớp (trong đó có 144 học viên bồi dưỡng chuyên đề), vượt chỉ tiêu tuyển sinh LKĐT (584 học viên).

Stt	Tên trường/lớp/ngành	Lớp	Học viên	Ngày KG
I. Các lớp liên kết dài hạn				
1	Đại học liên thông GD Mầm non 2024A	1	21/58	25/5/2024
2	Đại học liên thông GD Mầm non 2024B	1	21	11/11/2024
3	Đại học liên thông GD Tiểu học 2024	1	13	11/11/2024
4	Cao đẳng GD Mầm non 2024	1	25	11/11/2024
5	Đại học từ xa - Luật 2024/2 K17	1	72	21/07/2024
6	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2024/2	1	20/35	04/05/2024
7	Đại học Xây dựng dân dụng 2024	1	22	12/10/2024
8	Đại học Xây dựng cầu đường 2024	1	10	12/10/2024

9	Đại học Công nghệ thông tin 2024	1	24	12/10/2024
10	Đại học liên thông Kế toán 2024	1	26	30/11/2024
11	Đại học từ xa - QTKD K2024	1	39	09/11/2024
12	Đại học Luật 2024-VB1K13 TPHCM	1	27	28/12/2024
13	Đại học từ xa - Luật 2025/1 K18	1	75	15/03/2025
14	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2025/1	1	47	15/03/2025
II. Các lớp bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn				
1	BD CDNN Giáo viên MN	1	1	31/12/2024
2	BD CDNN Giáo viên MN	1	5	25/03/2025
3	BD CDNN Giáo viên THCS	1	1	28/03/2025
4	BD CDNN Giáo viên THPT	1	4	01/07/2024
5	BD CDNN Giáo viên THPT	1	13	12/12/2024
6	BD CDNN Giáo viên THPT	1	2	24/02/2025
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	1	3	25/02/2025
8	BD Kỹ năng sống	1	13	22/05/2025
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	7	05/11/2024
10	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	1	22/02/2025
11	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	1	15/05/2025
12	BD Kế toán trưởng	1	2	15/06/2024
13	BD Kế toán trưởng	1	5	03/08/2024
14	BD Kế toán trưởng	1	11	05/10/2024
15	BD Kế toán trưởng	1	1	22/02/2025
16	BD Kế toán trưởng	1	8	20/04/2025
17	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	30	19/07/2024
18	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	16	20/09/2024
19	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	15	05/11/2024
20	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	5	12/11/2024
Tổng cộng		33	586	

- Các lớp liên kết đào tạo đã hoàn thành chương trình và ra trường: **494** học viên / **29** lớp (trong đó 122 học viên / 17 lớp bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn).

Stt	Tên trường/lớp/ngành	Lớp	Học viên	Ngày KG
I. Các lớp liên kết đào tạo dài hạn		12	372	
1	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2022	1	29	10/03/2022
2	Đại học từ xa - Luật 2021 K12	1	27	05/07/2021
3	Đại học từ xa - Luật 2022 K13	1	27	12/05/2022

Stt	Tên trường/lớp/ngành	Lớp	Học viên	Ngày KG
4	Đại học liên thông Hệ thống điện 2019	1	59	07/03/2020
5	Đại học liên thông Trắc địa-bản đồ 2022	1	30	23/04/2022
6	Đại học liên thông GD Tiểu học 2021 (từ CĐ)	1	30	27/11/2021
7	Đại học Kế toán 2020	1	39	05/12/2020
8	Đại học từ xa - QTKD K2021	1	30	09/01/2021
9	Đại học liên thông GD Mầm non 2021	1	19	19/03/2022
10	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh vb2 2023	1	18	01/03/2023
11	Đại học từ xa - Quản lý đất đai	1	28	03/09/2022
12	Đại học liên thông Ngân hàng 2022	1	36	14/05/2022
II. Các lớp bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn		17	122	
1	BD CDNN Giáo viên MN	1	1	31/12/2024
2	BD CDNN Giáo viên MN	1	5	25/03/2025
3	BD CDNN Giáo viên THCS	1	1	28/03/2025
4	BD CDNN Giáo viên THPT	1	4	01/07/2024
5	BD CDNN Giáo viên THPT	1	13	12/12/2024
6	BD CDNN Giáo viên THPT	1	2	24/02/2025
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	1	3	25/02/2025
8	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	7	05/11/2024
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị - Thư viện	1	1	22/02/2025
10	BD Kế toán trưởng	1	2	15/06/2024
11	BD Kế toán trưởng	1	5	03/08/2024
12	BD Kế toán trưởng	1	11	05/10/2024
13	BD Kế toán trưởng	1	1	22/02/2025
14	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	30	19/07/2024
15	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	16	20/09/2024
16	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	1	15	05/11/2024
17	BD Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	5	12/11/2024
Tổng cộng		29	494	

**** Kết quả công tác giảng dạy và phối hợp tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Khmer):**

- Số lượt người học ngoại ngữ, tin học ngắn hạn và tiếng Khmer trong năm học 2024-2025: **1474** học viên / **4** khóa, vượt chỉ tiêu tuyển sinh các lớp ngắn hạn (*1452 học viên*).

Khóa	Ngoại ngữ, tiếng Khmer	Tin học	Tổng cộng
1	428 học viên / 29 lớp	51 học viên / 2 lớp	479 học viên / 31 lớp
2	368 học viên / 25 lớp	52 học viên / 3 lớp	420 học viên / 28 lớp
3	269 học viên / 18 lớp	00 học viên / 0 lớp	269 học viên / 18 lớp
4	245 học viên / 18 lớp	61 học viên / 3 lớp	306 học viên / 21 lớp
Tổng cộng	1310 học viên / 90 lớp	164 học viên / 8 lớp	1474 học viên / 98 lớp
Chỉ tiêu tuyển sinh	1308 học viên / 4 khóa	144 học viên / 4 khóa	1452 học viên / 4 khóa

- Công tác phối hợp tổ chức thi cấp chứng chỉ tiếng anh Cambridge, tin học ứng dụng công nghệ thông tin và tiếng dân tộc Khmer: tổ chức 5 kỳ kiểm tra cấp chứng chỉ Ngoại ngữ và ứng dụng CNTT cho **702** lượt người dự thi, đạt 100% kế hoạch năm học; cấp **440** chứng chỉ.

Chứng chỉ	Kế hoạch cả năm	Thực hiện	Khóa	Cấp Chứng chỉ	Ghi chú
Chứng chỉ tiếng Anh trẻ em Cambridge	450	469	4	250	
Chứng chỉ tiếng Anh 6 bậc		68		31	
Ứng dụng CNTT căn bản	220	120	3	114	
Ứng dụng CNTT nâng cao	10	4		4	
Chứng chỉ tiếng Khmer	20	41	2	41	
Tổng cộng	700	702	9	440	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình thu, chi tài chính năm 2024

- Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-SGDĐT ngày 30/11/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 (nhóm 2 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021), mức độ đảm bảo chi thường xuyên là 136%.

- Căn cứ Dự toán thu, chi năm 2024 số: 276/DT-TTGDXTN ngày 03/11/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ Quyết định số: 255/QĐ-TTGDXTN ngày 23/10/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả tài chính năm 2024 như sau:

Đvt: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2024	Thực chi	Ghi chú
I	Kinh phí tổn; CCTL năm 2023 đã sử dụng		480.127.008	
II	Phần Thu	4.833.984.980	4.832.333.809	
1	Thu từ HĐ SXKD, DV	4.633.984.980	4.557.256.970	
2	Thu từ hoạt động tài chính	200.000.000	273.900.839	
3	Thu khác		1.176.000	
III	Phần Chi	3.731.652.455	3.771.725.580	
1	Lương và các khoản trích theo lương	1.587.332.755	2.034.672.282	
2	Hoạt động thường xuyên	1.935.000.000	1.540.999.992	
3	Thuế TNDN	109.319.700	110.915.071	
4	Khấu hao TSCĐ (tạm tính 100.000.000 đ/năm)	100.000.000	85.138.235	
	Chênh lệch thu - chi (*), trong đó:	1.102.332.525	1.540.735.237	
IV	Kinh phí chuyển năm sau thực hiện		84.026.000	
	Trích nguồn cải cách tiền lương		136.020.494	
V	Trích Quỹ (phần chênh lệch thu chi sau khi trừ kinh phí chuyển năm sau và trích nguồn CCTL)	965.802.976	1.320.688.743	
1	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (tối thiểu 25%)	275.583.131	391.255.654	
2	Quỹ khen thưởng	127.600.000	150.000.000	
3	Quỹ phúc lợi tập thể	218.600.000	240.000.000	
4	Quỹ bổ sung thu nhập	344.019.845	539.433.089	

2. Các khoản thu và mức thu dịch vụ

- Thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-TTGDXTN ngày 01/03/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc ban hành mức giá dịch vụ đối với các lớp Ngoại ngữ - Tin học của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh.

3. Số dư các Quỹ theo quy định và quỹ đặc thù (nếu có)

Đvt: đồng

STT	Quỹ	Số dư cuối kỳ	Ghi chú
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	5.231.425.914	
2	Quỹ khen thưởng	63.868.000	
3	Quỹ phúc lợi tập thể	136.127.000	
4	Quỹ bổ sung thu nhập	63.430.060	
5	Nguồn cải cách tiền lương	162.064.235	

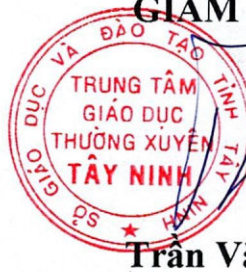
4. Nội dung công khai tài chính khác

Niêm yết công khai tại bảng thông báo của đơn vị Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài công, báo cáo tài chính, bản kê khai tài sản, thu nhập đối tượng theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/c);
- Website Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tú